

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

23/11

D81.109

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21KTA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 11 / 2023Phòng thi: D81.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111921058	Đỗ Tấn Phúc	09/10/2003	Nam	8.8	6,0	8.4	001	<u>Đỗ Tấn Phúc</u>		
2	111921059	Võ Thị Kim Phụng	28/12/2003	Nữ	8.5	3,8	5.8	002	<u>Như</u>		
3	111921060	Nguyễn Thị Thê Phụng	07/07/2003	Nữ	9.3	3,3	6.3	003	<u>Thê</u>		
4	111921062	Trần Thị Bé Quyền	10/10/2003	Nữ	8.8	3,3	6.0	004	<u>Quê</u>		
5	111921063	Phan Thị Thuý Quyền	24/04/2003	Nữ	9.3	2,0	5.8	005	<u>Quyên</u>		
6	111921066	Trần Như Tâm	04/07/2003	Nữ	9.2	3,0	6.1	006	<u>Như Tâm</u>		
7	111921067	Huỳnh Ngọc Thiên Thanh	22/02/2003	Nữ	9.2	4,5	6.9	007	<u>Thanh</u>		
8	111921068	Nguyễn Mai Thảo	20/10/2003	Nữ	9.1	5,3	7.2	008	<u>Thảo</u>		
9	111921069	Lâm Thị Thanh Thảo	19/02/2002	Nữ	8.8	4,0	6.4	009	<u>Thảo</u>		
10	111921073	Dương Thị Mỹ Thu	10/10/2003	Nữ	8.2	5,8	7.0	010	<u>Mỹ Thu</u>		
11	111921075	Trương Thị Anh Thư	22/06/2003	Nữ	8.8	4,8	6.8	011	<u>Anh Thư</u>		
12	111921080	Lê Thị Quê Trần	25/11/2003	Nữ	8.9	4,8	6.9	012	<u>Quê</u>		
13	111921081	Tăng Thị Huyền Trần	12/10/2003	Nữ	9.2	5,8	7.5	013	<u>Huyền</u>		
14	111921091	Nguyễn Thị Tường Vy	29/04/2003	Nữ	9.0	4,0	6.5	014	<u>Tường Vy</u>		
15	111921094	Nguyễn Ngọc Tường Vy	28/04/2003	Nữ	9.5	7,3	8.4	015	<u>Vy</u>		
16	111921095	Nguyễn Thị Thúy Vy	27/10/2003	Nữ	8.5	5,3	6.9	016	<u>Thúy Vy</u>		
17	111921101	Nguyễn Thị Anh Thi	16/02/2003	Nữ	8.8	3,8	6.3	017	<u>Anh Thi</u>		
18	111921104	Võ Thị Bích Tuyền	24/08/2003	Nữ	10.0	5,3	7.8	018	<u>Bích Tuyền</u>		
19	111921126	Đỗ Tường Vi	25/09/2003	Nữ	8.8	4,0	6.4	019	<u>Vi</u>		
20	111921136	Nguyễn Anh Thư	04/10/2003	Nữ	9.3	6,3	7.8	020	<u>Anh Thư</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20...

Tổng số tờ:.....

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Trần Mộng ĐâyCán bộ ghi điểm: Trần Mộng Đây

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Trần Mộng ĐâyNguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21KTA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 11 / 2023

Phòng thi: 074109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111921140	Tiêu Thụy Như Ý	23/04/2003	Nữ	8.8	4.3	6.6	021	<u>nhu</u>		
2	111921143	Mai Thị Thúy Nga	13/09/2003	Nữ	8.8	3.6	5.6	022	<u>Ng</u>		
3	111921187	Lý Hồng Diệu	13/05/2003	Nữ	9.2	5.3	8.3	023	<u>Hd</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Mộng Đây

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

23/11

D81.108

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21KTA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23/11/2023

Phòng thi: D81.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111921003	Thạch Thị Hoàng Oanh	13/01/2003	Nữ	8.9	4.0	6.0	001	Danh		
2	111921005	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11/01/2003	Nữ	8.6	3.2	6.0	002	Diệp		3.3
3	111921009	Võ Thị Thùy Dương	19/10/2003	Nữ	9.3	5.0	7.2	003	Order		
4	111921010	Trần Phương Giang	30/12/2003	Nữ	7.9	3.0	5.5	004	Giang		
5	111921011	Bùi Thu Hà	14/04/2003	Nữ	9.2	4.3	6.8	005	Thu		4.3
6	111921012	Trương Thị Ngọc Hân	14/01/2003	Nữ	8.9	3.8	6.4	006	Hân		3.8
7	111921014	Thạch Thị Thu Hằng	15/05/2003	Nữ	8.9	3.8	6.4	007	Thư Hằng		3.8
8	111921019	Trần Thị Diễm Hương	04/01/2003	Nữ	9.6	3.0	6.3	008	Hương		
9	111921021	Huỳnh Thiệu Huy	25/09/2002	Nam	8.7	3.5	6.1	009	Thiệu		
10	111921027	Sơn Thị Ngọc Linh	08/07/2003	Nữ	9.2	3.2	6.3	010	Linh		3.3
11	111921030	Võ Thị Tuyết Ly	12/06/2003	Nữ	9.6	4.0	6.8	011	Tuyết		
12	111921041	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	09/01/2003	Nữ	9.5	4.8	7.2	012	Ngân		4.8
13	111921044	Lâm Yên Ngọc	03/04/2003	Nữ	9.3	5.8	7.6	013	Ngọc		5.8
14	111921046	Nguyễn Thị Ngọt	30/11/2003	Nữ	9.8	4.8	7.3	014	Ngọt		4.8
15	111921048	Huỳnh Thành Nhân	28/04/2003	Nam	8.2	2.3	5.3	015	Nhân		2.3
16	111921051	Tô Yến Nhi	04/01/2003	Nữ	7.3	3.0	5.2	016	Yến		
17	111921052	Huỳnh Thị Yến Nhi	17/12/2003	Nữ	8.8	4.0	6.4	017	Nhi		
18	111921053	Mai Thị Tuyết Nhi	31/08/2003	Nữ	9.9	4.5	7.2	018	Nhi		
19	111921055	Huỳnh Thị Huỳnh Như	26/11/2003	Nữ	9.4	5.0	7.2	019	Như		
20	111921057	Kim Như	20/04/2003	Nam	8.7	3.0	5.9	020	Kim		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khôi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

23/11

DT1.111

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21KTB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 11 / 2023

Phòng thi: DT1.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111920127	Lê Thị Ngọc Lan	02/10/2002	Nữ	9.0	2,3	5.7	009			
2	111921023	Trịnh Hồng Khánh	19/04/2003	Nữ	8.8						
3	111921100	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	05/04/2003	Nữ	9.3	4,8	7.1	012			
4	111921102	Nguyễn Thị Út Nhi	15/11/2003	Nữ	8.8	1,8	5.3	013			
5	111921114	Lê Thị Huỳnh Như	28/08/2003	Nữ	9.0	5,3	7.2	014			
6	111921144	Tô Ngọc Mai	20/08/2003	Nữ	9.3	5,0	7.2	015			
7	111921162	Thạch Thị Na Li	03/09/2003	Nữ	8.0	5,3	6.7	016			
8	111921165	Thạch Hoàng Thùy Tiên	25/09/2003	Nữ	9.0	3,5	6.3	017			
9	111921194	Lê Thị Hoàng Mi	01/01/2003	Nữ	9.3	4,3	6.8	018			
10	111921197	Dương Thị Kim Ngọc	02/01/2003	Nữ	9.5	4,0	6.8	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

28/11

D71.113

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21KDHT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112121022	Bùi Văn	Hóa	14/09/2003	Nam	9.6	4.3	7.0	001	hiz	
2	112121030	Huỳnh Duy	Khánh	20/04/2003	Nam	8.9	4.0	6.5	002	Khánh	
3	112121036	Nguyễn Hoàng	Lâm	20/10/2003	Nam	8.2	3.8	6.0	003	Đoc	
4	112121039	Trần Thành	Lộc	21/02/2003	Nam	8.8	4.0	6.4	004	anh	
5	112121042	Trần Minh	Luân	07/09/2003	Nam	9.7	3.3	6.5	005	duan	
6	112121055	Ngô Thành	Nhân	29/01/2003	Nam	8.4	3.5	6.0	006	Nhân	
7	112121075	Nguyễn Chí	Thanh	15/08/2003	Nam	8.3	4.0	6.2	007	th	
8	112121079	Lý Trung	Tín	02/03/2003	Nam	9.2	3.3	6.3	008	ty	
9	112121082	Nguyễn Minh	Trọng	01/02/2002	Nam	8.9	3.0	6.0	009	my	
10	112121089	Tạ Nguyễn Ngọc	Vĩnh	16/08/2003	Nam	9.1	3.8	6.5	010	ngoc	
11	112121099	Hà Minh	Quý	21/01/2003	Nam	8.5	4.3	6.4	011	ha	
12	112121116	Lê Quốc	Huy	14/01/2003	Nam	8.2	3.3	5.8	012	Huy	
13	112121119	Cao Gia	Bảo	14/06/2003	Nam	8.2	2.5	5.4	013	Bao	
14	112121125	Dương Hiền	Nhân	02/07/2003	Nam	6.8	2.0	4.4	014	hi	
15	112121134	Trần Nguyễn Trung	Kiên	17/07/2003	Nam	8.7	3.5	6.1	015	ku	
16	112121135	Trần Minh	Kha	17/10/2003	Nam	9.5	4.5	7.0	016	ka	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Laurel Cao Dương Phương Loan

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Chí Sen

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Laurel

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (08 -)/DA20KDHT
CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
23 / 11 / 2023
Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112120003	Trần Văn Bình	07/04/2002	Nam	9.4	4,0	6.7	001			
2	112120013	Nguyễn Trung Hậu	20/10/2002	Nam	9.4	5,0	7.2	002			
3	112120015	Trần Chí Hiện	28/10/2002	Nam	7.0	1,8	4.4	003			
4	112120023	Phan Trường Khang	06/05/2002	Nam	8.9	5,3	7.1	004			
5	112120045	Trần Đức Thịnh	03/02/2002	Nam	9.9	5,3	7.6	005			
6	112120048	Lâm Hoài Thương	23/05/2002	Nam	7.9	3,3	5.6	006			
7	112120049	Trần Thanh Trà	18/04/2002	Nam	8.7	2,8	5.8	007			
8	112120097	Lê Diệp Ý	19/05/2002	Nữ	7.8	3,5	5.7	008			
9	112120114	Bùi Vô Nhật Băng	31/05/2002	Nam	9.3	4,0	6.7	010			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09...
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09...
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09...
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Thị Linh

23/11

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

D71 112

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA20DCN

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23/11/2023

Phòng thi: D71 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112120005	Thái Sô	Đa	08/06/2002	Nam	8.6	4,3	6.5	001	<u>Đa</u>	
2	112120008	Trần Minh	Được	27/11/2002	Nam	8.2	5,8	7.0	002	<u>Được</u>	
3	112120009	Ngô Thị Thúy	Duy	02/06/2002	Nữ	9.8	4,3	7.0	003	<u>Thúy</u>	
4	112120017	Lê Quốc	Hiếu	17/05/2002	Nam	8.2	4,5	6.4	004	<u>Hiếu</u>	
5	112120020	Nguyễn Danh	Kha	25/08/2002	Nam	10.0	5,8	7.9	005	<u>Danh</u>	
6	112120029	Nguyễn Minh	Luân	01/01/2002	Nam	7.7	3,8	5.8	006	<u>Minh</u>	
7	112120030	Thạch	Mai	25/10/2002	Nam	8.6	5,0	6.8	007	<u>Mai</u>	
8	112120032	Nguyễn Trương Minh	Nghĩa	13/10/2002	Nam	7.2	4,8	6.0	008	<u>Minh</u>	
9	112120033	Châu Chí	Nhân	13/05/2002	Nam	8.9	4,5	6.7	009	<u>Chí</u>	
10	112120035	Thạch Sang Mô	Ny	12/10/2000	Nam	9.8	3,5	6.6	010	<u>Sang</u>	
11	112120037	Đoàn Văn Thanh	Phong	11/01/2002	Nam	7.9	3,8	5.9	011	<u>Phong</u>	
12	112120038	Phạm Hoàng	Phú	20/12/2002	Nam	8.2	3,8	6.0	012	<u>Phú</u>	
13	112120041	Trì Hoàng	Sơn	22/01/2002	Nam	9.2	4,8	7.0	013	<u>Hoàng</u>	
14	112120052	Huỳnh Nhật	Triều	17/04/2002	Nam	7.5	3,5	5.5	014	<u>Triều</u>	
15	112120054	Huỳnh Ngọc	Tỷ	24/12/2002	Nam	9.5	3,8	6.7	015	<u>Ngọc</u>	
16	112120056	Nguyễn Trường	Vũ	21/06/2002	Nam	8.0	4,5	6.3	016	<u>Trường</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Chí Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đa

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

23/11

ĐT 1.110

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21QV

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23/11/2023

Phòng thi: ĐT 1.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110921004	Lâm Nhựt Duy	27/07/2003	Nam	9.6	4,5	7.1	008	B		
2	110921014	Phạm Thị Mỹ Ngọc	23/10/2003	Nữ	8.6	2,0	5.3	009	ngoc		
3	110921019	Nguyễn Ngọc Như	14/12/2003	Nữ	7.9	4,3	6.1	010	ngoc		
4	110921027	Lương Thị Thu Thảo	27/01/2003	Nữ	8.8	2,8	5.8	011	thao		
5	110921039	Ngô Thị Như Ý	10/10/2002	Nữ	9.7	4,5	7.1	012	ngoc		
6	110921044	Thạch Thị Anh Thư	28/08/2003	Nữ	8.6	3,3	6.0	013	thanh		
7	110921051	Thạch Thị Ti Na	10/11/2003	Nữ	9.1	3,0	6.1	014	na		
8	110921061	Trần Thị Huỳnh Như	25/01/2003	Nữ	9.2	5,3	7.3	015	thanh		
9	110921094	Kiên Thị Ly Na	09/12/2003	Nữ	9.2	4,8	7.0	016	ly		
10	110921105	Lâm Khắc Huy	16/07/2003	Nam	8.8	4,8	6.8	017	huy		
11	110921118	Ngô Thị Quế Trân	26/10/2003	Nữ	8.2	4,8	6.5	018	quy		
12	110921130	Nguyễn Thị Diễm Kiều	20/02/2003	Nữ	9.2	5,3	7.3	019	kiem		
13	110921134	Thạch Thị Chane Tra	13/11/2001	Nữ	8.4	3,5	6.0	020	an	60	60

Tổng số sv, hs trên danh sách: 13

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 13

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 13

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phạm Thị Mỹ Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Mỹ Ngọc

Cán bộ kiểm tra: Phạm Thị Mỹ Ngọc

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

23/11

ĐH. 114

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21HD

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐH. 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112621001	Lê Thị Ngọc	Điệp	14/11/2003	Nữ	9.0	5.3	7.2	001		
2	118821003	Trần Gia	Linh	07/07/2003	Nữ	9.2	2.5	5.9	002		
3	118821005	Dương Thị Uyên	Nhi	07/09/2003	Nữ	10.0	3.3	6.7	003		
4	118821017	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	26/07/2003	Nữ	9.3	4.0	6.7	004		
5	118821020	Trần Khánh	Đoan	14/11/2003	Nữ	7.8	2.8	5.3	005		
6	118821027	La Thị Hoa	Huệ	19/10/2003	Nữ	9.0	5.5	7.3	006		
7	118821035	Trần Lê Minh	Huy	20/11/2003	Nam	8.9	5.5	7.2	007		
8	118821038	Lâm Thị Bích	Liều	01/01/2002	Nữ	8.4	4.8	6.6	008		
9	118821040	Huỳnh Kim	Phượng	30/03/2003	Nữ	8.1	5.0	6.6	009		
10	118821041	Nguyễn Chí	Khang	22/06/2003	Nam	9.0	4.0	6.5	010		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Ngọc Đây

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Ngọc Đây

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần Thị Ngọc Đây

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA19XD

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: 1N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
23/11/2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111719035	Danh Chanh Dora	09/12/2001	Nam	7.8	3.3	5.6	001	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: [Signature]

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Signature] Trần Chí Sen

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21CXH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
23 / 11 / 2023

Phòng thi: Đ71.1N

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115121001	Nguyễn Thị Tuyết	Cầm	21/11/2003	Nữ	9.5	4,3	6.9	002		
2	115121003	Thạch Thị Phương	Hiền	11/10/2003	Nữ	9.3	3,5	6.4	003		
3	115121007	Trương Thị Kiều	Ngoan	19/12/2003	Nữ	8.0	4,3	6.2	004		
4	115121025	Phan Văn	Tài	29/01/2003	Nam	8.1	5,0	6.6	005		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21QKDTHB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
23/11/2023

Phòng thi: D71.1M2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi trợ SV	Gh chú
1	112221010	Lê Diễm Chi	2003	Nữ	8.5	3,5	6.0	006	Chu		
2	112221127	Võ Thị Ngọc Thương	26/04/2003	Nữ	9.8	3,8	6.8	007	Tr		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Mộng Đây

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21QTMKT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221113	Kiến Thị Thu Thảo	15/01/2003	Nữ	8.0	3.8	5.9	011			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Cô Lê Thị Thuý Dương

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21TMDT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 11 / 2023

Phòng thi: 071.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Thư	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117621066	Thạch Thị Huỳnh	Thư	21/05/2003	Nữ	7.8	/	/	/	/		Vậy

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: 00

Cán bộ coi thi 1: Lê Thị Huyền Dương

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21TYC

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321045	Nguyễn Lệ Khanh	12/04/2003	Nữ	9.3	3.5	6.4	013			
2	111321127	Đặng Ngọc Hân	23/09/2003	Nữ	9.4	3.3	6.4	014			
3	111321184	Trần Thị Lộc	11/03/2003	Nữ	9.2	4.0	6.6	015			
4	111321206	Nguyễn Phúc Thịnh	01/01/2003	Nam	8.4	3.5	6.0	016			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh